TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 2030/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 23/5/2024
V/v: ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Văn Thiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Lợi;

2. Bà Nguyễn Hương Thủy.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Thanh Trí – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa*:** Bà Trần Thị Hồng – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 2926/2023/TLST-HNGĐ ngày 01/12/2023 về việc "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1700/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 2435/2024/QĐST-HNGĐ ngày 24/4/2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Thanh M, sinh năm: 1984 – (có đơn đề nghị được xét xử vắng mặt)

Địa chỉ thường trú: 6/10 Đường H, Tổ 5, Khu phố B, phường L, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Ông Hà Ngọc N, sinh năm: 1981 – (vắng mặt)

Địa chỉ thường trú: 6/10 Đường H, Tổ 5, Khu phố B, phường L, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

(1) Nội dung nguyên đơn khởi kiện: Bà M và ông Hà Ngọc N tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2010, có đăng ký kết hôn ngày 10/10/2010 tại Ủy ban nhân dân xã Gia Canh, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 34,

quyển số 06. Sau khi kết hôn vợ chồng cư trú tại địa chỉ 6/10 Đường số 20, Tổ 5, Khu phố 4, phường Linh Đông, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Đời sống hôn nhân giữa hai bên không hạnh phúc, vợ chồng thường xuyết phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn chính là hai bên không hòa hợp tính cách, bất đồng quan điểm về chính trị, tôn giáo, sở thích và lối sống…, hai bên không đồng cảm và chia sẻ được với nhau, dù là niềm vui hay nỗi buồn. Vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, tranh cãi nhau, không nói chuyện nhiều ngày. Bà M xác định đời sống hôn nhân với ông N không hạnh phúc, mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, bà M đã nhiều lần đề nghị đến việc ly hôn nhưng ông N lấy lý do theo đạo công giáo không đồng ý thuận tình ly hôn. Do vậy, bà M khởi kiện yêu cầu Tòa án phải giải quyết ly hôn với ông Hà Ngọc N để ổn định cuộc sống về sau. Giữa bà Trần Thị Thanh M và ông Hà Ngọc N có một người con chung tên Hà Ngọc A, sinh ngày 20/9/2012, bà M yêu cầu sau khi ly hôn được quyền nuôi dưỡng và yêu cầu ông Hà Ngọc N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 đồng, cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về tài sản chung bà Trần Thị Thanh M xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, giữa hai bên không có nợ chung.

Ngoài ra bà Trần Thị Thanh M trình bày, hiện tại đang làm việc tại Trung tâm Đào tạo khu công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh, nghề nghiệp là viên chức nhà nước, có thu nhập ổn định, và có nơi ở hợp pháp đảm bảo đủ điều kiện nuôi con. Bà M cho rằng việc yêu cầu ông Hà Ngọc N cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 đồng là phù hợp với điều kiện kinh tế và thu nhập của ông N. Bởi lẽ, hiện tại ông Hà Ngọc N là giảng viên của trường Đại học Công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh, ông N còn sở hữu thêm một xưởng sản xuất cơ khí, có mức lương ổn định, thu nhập khá cao, khoảng trên 30.000.000 đồng mỗi tháng, có đủ khả năng và điều kiện để cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 đồng. Hơn thế, chi phí sinh hoạt và học tập của con mỗi tháng khoảng hơn 10.000.000 đồng cho mức sống trung bình tại Thành phố Hồ Chí Minh.

(2) Bị đơn ông Hà Ngọc N không hợp tác, không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, vắng mặt trong các buổi làm việc và trong phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Bị đơn ông Hà Ngọc N tiếp tục vắng mặt tại phiên tòa lần thứ nhất nên Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa theo đúng quy định.

(3) Tại phiên tòa phiên tòa sơ thẩm lần thứ hai: Bị đơn ông Hà Ngọc N vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Nguyên đơn bà Trần Thị Thanh M giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như trên và có đơn đề nghị được xét xử vắng mặt.

(4) Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến: Tòa án đã tiến hành tố tụng từ khi thụ lý cho đến mở phiên tòa đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử và đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn ông Hà Ngọc N vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai mà không có lý do chính đáng, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, đề nghị Tòa án áp dụng theo quy định tại Điều 227 và

Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, để tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn bà Trần Thị Thanh M có đơn yêu cầu được xét xử vắng mặt là hoàn toàn tự nguyên, đề nghị Tòa án chấp nhận. Về nội dung, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và hợp pháp, đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được kiểm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Trần Thị Thanh M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Hà Ngọc N là tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc trường hợp được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ vào kết quả xác minh của Công an phường Linh Đông, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh đã xác nhận ông Hà Ngọc N có đăng ký hộ khẩu thường trú và thực tế đang cư trú tại địa chỉ: 6/10 Đường số 20, Tổ 5, Khu phố 4, phường Linh Đông, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Xét thấy, tại thời điểm Tòa án đang thụ lý giải quyết vụ kiện, bị đơn ông Hà Ngọc N đang cư trú trên địa bàn thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Tại phiên tòa: Nguyên đơn bà Trần Thị Thanh M có đơn đề nghị được xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Hà Ngọc N vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai mà không có lý do chính đáng, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, Hội đồng xét xử áp dụng theo quy định tại Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành xét xử vắng bị đơn và nguyên đơn.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ theo giấy chứng nhận kết hôn số 34, quyển số 06 do Ủy ban nhân dân xã Gia Canh, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai đăng ký ngày 10/10/2013, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định giữa bà Trần Thị Thanh M và ông Hà Ngọc N có quan hệ hôn nhân hợp pháp. Căn cứ vào sự thừa nhận và không phản đối của các bên đương sự về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn chính giữa hai bên là do có nhiều quan điểm bất đồng, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn chính là hai bên không hòa hợp tính cách, bất đồng quan điểm về chính trị, tôn giáo, sở thích và lối sống, hai bên không đồng cảm và chia sẻ giúp đỡ lẫn nhau trong đời sống vợ chồng. Sống chung một nhà nhưng không bên nào quan tâm chia sẻ nhau, mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm đến ai, hiện tại hai bên đã sống ly thân. Nhận thấy, từ khi nhận được thống báo bà M nộp đơn ly hôn tại Tòa án nhưng ông Hà Ngọc N vẫn không có thiện chí hòa giải để các bên đoàn tụ, mặc cho bà M khởi kiện ly hôn đơn phương và không quan tâm kết quả Tòa án giải quyết như thế nào. Xét thấy, hai

bên không còn tình cảm, không yêu thương, chia sẻ làm cho đời sống hôn nhân lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân giữa hai bên không đạt được. Tình trạng hôn nhân giữa bà Trần Thị Thanh M và ông Hà Ngọc N thuộc trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3.2] Về con chung: Căn cứ vào bản sao giấy khai sinh số 44/TL.KS-BS do Ủy ban nhân dân Ủy ban nhân dân xã Gia Canh, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai cấp ngày 12/7/2016, Hội đồng xét xử có sơ sở xác định bà Trần Thị Thanh M và ông Hà Ngọc N có người con chung tên Hà Ngọc A, sinh ngày 20/9/2012. Xét thấy, ông Hà Ngọc N không hợp tác, không đến Tòa án để tiến hành các thủ tục cần thiết giải quyết ly hôn với bà M, không có văn bản thế hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không có ý kiến về việc nuôi con, cũng như tranh chấp nuôi con. Tại bản tự khai ngày 28/3/2024, nguyện vọng của trẻ Hà Ngọc A là được ở với mẹ, sau khi cha mẹ ly hôn. Căn cứ vào sự thừa nhận và không phản đối giữa các bên đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu được nuôi con của bà M là nguyện vọng chính đáng, phù hợp với nguyện vọng của trẻ Hà Ngọc Ân và với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, nên có cơ sở chấp nhận.

[3.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Căn cứ khoản 2 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có quy định: "*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con"*. Căn cứ khoản 1 Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *"Mức cấp dưỡng do người có nghĩa vụ cấp dưỡng và người được cấp dưỡng hoặc người giám hộ của người đó thỏa thuận căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết"*.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Hà Ngọc N không hợp tác, không đến Tòa án tiến hành các thủ tục giải quyết vụ kiện, cũng như có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, các bên không thỏa thuận được với nhau về mức cấp dưỡng nuôi con. Do vậy, áp dụng theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, căn cứ vào sự thừa nhận và không phản đối của các bên đương sự, căn cứ và sự trình bày và xác nhận của nguyên đơn. Nhận thấy, bà Trần Thị Thanh M là viên chức nhà nước, hiện đang làm việc tại Trung tâm Đào tạo khu công nghệ cao Thành phố Hồ Chí Minh, có thu nhập ổn định, và có nơi ở hợp pháp đảm bảo đủ điều kiện nuôi con. Hiện tại, ông Hà Ngọc N là giảng viên của trường Đại học Công nghệ Thành phố Hồ Chí Minh, ngoài ra ông N còn sở hữu một xưởng sản xuất cơ khí, có mức lương và thu nhập ổn định. Chi phí sinh hoạt và học tập của con (trẻ Hà Ngọc A) mỗi tháng khoảng hơn 10.000.000 đồng, cho mức sống trung bình tại Thành phố Hồ Chí Minh. Xét thấy, nguyên đơn bà Trần Thị Thanh M yêu cầu ông Hà Ngọc N là người không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18

tuổi, mức yêu cầu cấp dưỡng nuôi con phù hợp với khả năng, thu nhập thực tế của ông N và đảm bảo nhu cầu thiết yếu cho học tập, sinh hoạt của con chưa thành niên (trẻ Hà Ngọc A, sinh ngày 20/9/2022), phù hợp với quy định của pháp luật. Do vậy, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.4] Về tài sản chung: Nguyên đơn bà Trần Thị Thanh M xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3.5] Về nghĩa vụ chung (nợ chung): Nguyên đơn bà Trần Thị Thanh M tự xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nguyên đơn bà Trần Thị Thanh M phải nộp theo quy định của pháp luật. Án phí cấp dưỡng nuôi con buộc ông Hà Ngọc N phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 186, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 273, Điều 280, Điều 482 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 54, Điều 55, Điều 57, Điều 58; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 107, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Trần Thị Thanh M được ly hôn với ông Hà Ngọc N.

- *Về con chung*: Giao con chung tên Hà Ngọc A, sinh ngày 20/9/2012 cho bà Trần Thị Thanh M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Không bên nào có quyền ngăn cản việc trông nom, chăm sóc giáo dục con chung. Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

- *Về cấp dưỡng nuôi con*: Buộc ông Hà Ngọc N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Kể từ ngày bà Trần Thị Thanh M có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Hà Ngọc N không thực hiện hoặc chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- *Về tài sản chung*: Bà Trần Thị Thanh M xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung:* Bà Trần Thị Thanh M tự xác định không có.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) buộc bà Trần Thị Thanh M phải nộp theo quy định, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà M đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0001864 ngày 30/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Trần Thị Thanh M đã nộp đủ án phí. Án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) buộc ông Hà Ngọc N phải nộp theo quy định.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND Tp.Thủ Đức;
- CCTHADS Tp.Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Lưu HS,VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký và đóng dấu)

Cao Văn Thiên